

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1259/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan, tổ chức hành chính Nhà nước thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, biên chế cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, biên chế hội quản chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương giai đoạn 2022 - 2026

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổng biên chế công chức của các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan-thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công

lập, cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài (không bao gồm biên chế của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng), biên chế của các hội quân chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương giai đoạn 2022 - 2026, bảo đảm đến hết năm 2026 là 103.300 biên chế. Cụ thể như sau:

1. Các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập: 101.546 biên chế (Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này).

2. Các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài: 1.068 biên chế.

3. Biên chế của hội quân chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương: 686 biên chế (Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Bộ trưởng Bộ Nội vụ có trách nhiệm:

1. Giao biên chế công chức đối với từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập trong tổng số biên chế công chức quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

2. Giao biên chế đối với từng hội quân chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương trong tổng biên chế quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm:

1. Xây dựng đề án tinh giản biên chế của giai đoạn 2022 - 2026 và hằng năm đến hết năm 2026.

2. Quyết định theo thẩm quyền biên chế công chức đối với cơ quan, tổ chức thuộc quyền quản lý trong tổng số biên chế được giao theo quy định của pháp luật, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao và thực hiện đúng chủ trương tinh giản biên chế.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập và Chủ tịch hội quản chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2).





Phụ lục I

BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC GIAI ĐOẠN 2022 - 2026

**CỦA BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ,
TỔ CHỨC ĐO CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ THÀNH LẬP
MÀ KHÔNG PHẢI LÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

(Kèm theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg

ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Bộ, ngành	Biên chế giai đoạn 2022 - 2026, đến hết năm 2026
1	Bộ Ngoại giao	1.144
2	Bộ Nội vụ	554
3	Bộ Tư pháp	9.095
4	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	5.791
5	Bộ Tài chính	63.494
6	Bộ Công Thương	6.128
7	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.807
8	Bộ Giao thông vận tải	1.735
9	Bộ Xây dựng	339
10	Bộ Tài nguyên và Môi trường	1.083
11	Bộ Thông tin và Truyền thông	656
12	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	649
13	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	753
14	Bộ Khoa học và Công nghệ	610
15	Bộ Giáo dục và Đào tạo	514
16	Bộ Y tế	770
17	Ủy ban Dân tộc	231
18	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	4.922
18	Thanh tra Chính phủ	388
20	Văn phòng Chính phủ	673
21	Ban Quản lý lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	19
22	Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia	71
23	Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	120
	Tổng cộng	101.546



Phụ lục II

BIÊN CHẾ GIAI ĐOẠN 2022 - 2026 CỦA HỘI QUẢN CHỨNG ĐƯỢC ĐẢNG, NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ Ở TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg

ngày 18 tháng 09 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Hội quản chứng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương	Biên chế giai đoạn 2022 - 2026, đến hết năm 2026
1	Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam	34
2	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam	113
3	Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam	17
4	Hội Nhà văn Việt Nam	38
5	Hội Nhà báo Việt Nam	17
6	Hội Luật gia Việt Nam	27
7	Liên minh hợp tác xã Việt Nam	172
8	Hội Chữ thập đỏ Việt Nam	47
9	Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam	12
10	Hội Nhạc sĩ Việt Nam	22
11	Hội Điện ảnh Việt Nam	11
12	Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam	5
13	Hội Kiến trúc sư Việt Nam	12
14	Hội Mỹ thuật Việt Nam	30
15	Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam	13
16	Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam	7
17	Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam	14
18	Hội Người cao tuổi Việt Nam	12
19	Hội Người mù Việt Nam	32
20	Hội Đông y Việt Nam	13
21	Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam	8
22	Tổng hội Y học Việt Nam	5
23	Hội Cựu thanh niên xung phong Việt Nam	7
24	Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam	7
25	Hội Khuyến học Việt Nam	6
26	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi Việt Nam	5
	Tổng cộng	686